

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày 06-9-2024

V/v tranh chấp phường, họ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về Tranh chấp giao dịch dân sự phường, họ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Kim T và bà Trần Thị H; nơi cư trú: Xóm M, Thôn NL, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; ông T ủy quyền cho bà H (theo văn bản ủy quyền ngày 06-6-2024); ông T vắng mặt; bà H có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S; nơi cư trú: Thôn HP A, xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Kim T, bà Trần Thị H, ông T ủy quyền cho bà H trình bày: Vào năm 2022; 2023 vợ chồng ông bà có vào phường với bà Nguyễn Thị S, cách

thức chơi phường như sau: Bà S tự thành lập các chân phường và là chủ phường. Bà S phát cho người chơi phường mỗi phường 01 quyển sổ, hàng tháng người tham gia chơi phường đóng tiền cho bà S được bà S ký nhận. Sổ nhận tiền phường bà S đưa cho người chơi phường giữ. Khi nào người chơi lấy phường thì báo cho bà S biết, lãi của phường do hai bên thỏa thuận tùy theo mức đóng của các chân phường hàng tháng. Theo thỏa thuận, vợ chồng ông bà đóng cho bà S 05 chân phường và đưa tiền mặt để bà S đóng dần phường cho ông bà theo tháng. Sau đó, bà S dừng chơi phường nên ngày 28-9-2023 âm lịch vợ chồng ông bà và bà S có văn bản xác nhận, bà S còn nợ ông bà tổng số tiền phường là 510.000.000 đồng. Bà S hẹn mỗi tháng trả 10.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2023 âm lịch cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên tháng 12/2023 âm lịch bà S mới trả được 4.000.000 đồng, còn nợ 506.000.000 đồng. Vợ chồng ông bà đòi nhiều lần nhưng bà S không thanh toán trả nợ. Nay vợ chồng ông bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S phải thanh toán trả số tiền phường còn lại là 506.000.000 đồng (Năm trăm linh sáu triệu đồng), ông bà không yêu cầu lãi suất.

Tại biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị S trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn Kim T và bà Trần Thị H có vào phường với bà do bà làm chủ phường. Do bà dừng chơi phường nên bà có lập văn bản xác nhận nợ tiền phường với ông T, bà H. Theo giấy xác nhận ngày 28-9-2023 âm lịch bà còn nợ ông T, bà H số tiền phường là 510.000.000 đồng, hẹn mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, bắt đầu trả vào ngày 28 âm lịch hàng tháng cho đến khi hết nợ. Do khó khăn nên bà mới trả ông T bà H được 4.000.000 đồng, còn nợ 506.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông T, bà H khởi kiện yêu cầu bà phải hoàn trả số tiền phường đã nhận còn lại là 506.000.000 đồng (Năm trăm linh sáu triệu đồng), bà đồng ý trả nợ và xin trả dần.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không tham gia đầy đủ phiên họp, phiên H giải, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường. Căn cứ Điều 26, Điều 12, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T và bà Trần Thị H, buộc bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng ông T, bà H số tiền phường còn lại là 506.000.000 đồng (Năm trăm linh sáu triệu đồng). Về án phí: Ông T, bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án: Vợ chồng ông Nguyễn Kim T và bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về giao dịch dân sự phường, họ đối với bà Nguyễn Thị S, nơi cư trú: Thôn HP A, xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị S.

- Về nội dung vụ án:

[3] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định: Vào năm 2022; 2023 vợ chồng ông Nguyễn Kim T, bà Trần Thị H có vào phường với bà Nguyễn Thị S, do bà S là chủ phường. Cách thức chơi phường như sau: Bà S tự thành lập các phường và phát cho người chơi phường mỗi phường 01 quyển sổ, hàng tháng người tham gia chơi phường đóng tiền cho bà S được bà ký nhận. Sổ nhận tiền phường bà S đưa cho người chơi phường giữ. Khi nào người chơi lấy phường thì báo cho bà S biết, lãi của phường do hai bên thỏa thuận tùy theo mức đóng của các chân phường hàng tháng. Theo thỏa thuận vợ chồng ông T, bà H đóng cho bà S 05 chân phường

và đưa tiền mặt nhờ bà S đóng tiền phường theo tháng. Bà S dùng chơi phường nên ngày 28-9-2023 âm lịch bà S có văn bản xác nhận còn nợ vợ chồng ông T, bà H số tiền phường là 510.000.000 đồng, hẹn mỗi tháng trả 10.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2023 âm lịch. Tháng 12/2023 âm lịch bà S mới trả ông T, bà H được 4.000.000 đồng, còn nợ 506.000.000 đồng. Nay ông T, bà H yêu cầu bà S phải thanh toán trả số tiền phường còn lại 506.000.000 đồng, ông bà không yêu cầu khoản lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, bà S thừa nhận đã nhận tổng số tiền phường của ông T bà H là 510.000.000 đồng, đã trả 4.000.000 đồng, còn nợ lại 506.000.000 đồng, bà đồng ý trả nợ và xin trả dần. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của vợ chồng ông T, bà H đề nghị bà S phải trả số tiền phường còn lại là 506.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường được chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26, Điều 12, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Điều 2 Luật người cao tuổi. Ông Nguyễn Kim T, bà Trần Thị Hoà, bà Nguyễn Thị S là người cao tuổi được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng xác nhận nên ông T, bà H không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi

Căn cứ Điều 26, Điều 12, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T và bà Trần Thị H, buộc bà Nguyễn Thị S phải thanh toán trả vợ chồng ông Nguyễn Kim T và bà Trần Thị H số tiền phường còn lại là 506.000.000 đồng (Năm trăm linh sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Án phí:

Vợ chồng ông Nguyễn Kim T và bà Trần Thị H là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí.

Bà Nguyễn Thị S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng xác nhận nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền